

Bản án số: 21A/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2018

V/v ly hôn giữa bà A và ông T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Như Hoa

2. Bà Phạm Thị Tố Tâm

Thư ký phiên tòa: ông Đặng Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 957/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài A, sinh năm 1980 (có mặt).

Trú tại: khối X, Thị trấn Y, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: Ông Cao Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Trú tại: khối T, phường N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang cải tạo tại đội T, phân trại số Y, Trại giam Bình Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài A trình bày: Bà kết hôn với ông Cao Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 14/11/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm lối sống, đến năm 2006 thì vợ chồng sống ly thân, đồng thời cũng vào năm 2006 ông T vi phạm pháp luật và bị Tòa án xử phạt 16 (mười sáu) năm 9 (chín) tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Từ đó vợ chồng sống ly thân, bà A phải vất vả

nuôi con một mình từ đó đến nay. Việc ông T đi tù đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ con, thời gian qua bà không đến thăm gặp ông T vì tình cảm vợ chồng không còn. Tại phiên tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Cao Văn T để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Cao Thúy N, sinh ngày 28/10/2003. Nay ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: bà A khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án can thiệp giải quyết.

Về phía ông Cao Văn T, tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng đã có lời khai tại hồ sơ như sau: ông kết hôn với bà A vào ngày 14/11/2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì cho đến năm 2006, ông vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 16 (mười sáu) năm 9 (chín) tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện nay ông đang phải chấp hành án tại Trại giam Bình Điền. Thời gian qua ông đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi đến, biết được bà A xin ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử ly hôn vắng mặt ông.

Về con: Vợ chồng có một con chung là Cao Thúy N, sinh ngày 28/10/2003. Nay ly hôn, ông đồng ý để bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản: ông T khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án can thiệp giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, khoản 2 Điều 207, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hoài An và ông Cao Văn Tùng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Cao Thúy Nhi, sinh ngày 28/10/2003 cho bà An trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông Tùng do bà An không yêu cầu.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoài An phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: bà Nguyễn Thị Hoài A khởi kiện xin ly hôn ông Cao Văn T, cư trú tại khối T, phường N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Ngày 28/12/2017 Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài A, bị đơn ông Cao Văn T. Sau khi thụ lý vụ án, do ông T đang chấp hành án phạt tù không thể có mặt tại Tòa án nên Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông T theo đúng quy định tại các Điều 196, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, do ông T đang phải chấp hành án phạt tù nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hoài A kết hôn với ông Cao Văn T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 14 tháng 11 năm 2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa bà A và ông T thấy rằng: Sau khi kết hôn bà A và ông T chung sống hòa thuận được một thời gian thì đến năm 2006 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm lối sống, sau đó thì ông T vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 16 (mười sáu) năm 9 (chín) tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, bà A phải vất vả nuôi con một mình. Bản thân ông T cũng tự xét thấy do phải chấp hành án phạt tù một thời gian dài nên ông không thể có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không tồn tại trên thực tế từ năm 2006 đến nay, tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa, bà A làm đơn xin ly hôn, ông T xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông cũng đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà A.

Như vậy có thể khẳng định tình trạng vợ chồng bà A và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận sự thuận ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hoài A và ông Cao Văn T.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông T có một con chung tên là Cao Thúy N, sinh ngày 28/10/2003, hiện đang ở cùng bà A. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của bà A, ông T và cháu N. Xét thấy, do ông T đang phải chấp hành án phạt tù, nên để đảm bảo quyền lợi cho con, cần xử chấp nhận

sự thỏa thuận của các bên đương sự là: Giao con chung cho bà A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông Tùng do bà A không yêu cầu, ông T có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[2.3] Về tài sản và nợ: bà A và ông T đều khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án can thiệp giải quyết. Vì vậy miễn xét.

[2.4] Về án phí: bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, khoản 2 Điều 207, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hoài A và ông Cao Văn T.

[2]. Về nuôi con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của bà A và ông T: Giao con chung tên là Cao Thúy N, sinh ngày 28/10/2003 cho bà A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho ông Tùng do bà A không yêu cầu, ông T có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[3]. Về án phí: bà Nguyễn Thị Hoài A phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng đã nộp tại biên lai số 0000416 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/5/2018). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND TP Vinh, VKSND tỉnh Nghệ An
- Chi cục THADS TP Vinh
- UBND p. Bến Thủy, TP Vinh
(Đăng ký kết hôn số 114 ngày 14/11/2003)
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DSST-HNGĐ

Ngày: 27-4-2018

V/v ly hôn giữa chị Linh và anh Hùng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Anh Phong

2. Bà Trần Thị Như Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Nữ Hạnh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 823/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Linh, sinh năm 1981 (có mặt).

Nơi ĐKNKTT: khối Trung Đông, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: xóm 7, xã Tân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Nơi ở hiện nay: khối 6, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 07/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị Linh trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Hùng trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/4/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại khối 6, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, xô xát nhau và không có tiếng nói chung. Trước đây, chị đã từng làm đơn xin ly hôn, sau khi được Tòa án hòa giải và vì các con chị đã bỏ qua tha thứ để vợ chồng quay về với nhau. Nhưng cuộc sống chung của vợ chồng vẫn không cải thiện mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Hùng.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn Lê Trung, sinh ngày 06/02/2009 và Nguyễn Văn Long, sinh ngày 30/01/2012. Nay ly hôn, chị Linh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Nếu được nuôi con chị Linh không yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Linh.

Về tài sản: Chị Linh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có khoản nợ nào chung.

Anh Nguyễn Văn Hùng vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hùng nhưng anh Hùng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy ý kiến và xem xét đến nguyện vọng của anh Hùng được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về Hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Linh và anh Nguyễn Văn Hùng

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Văn Lê Trung, sinh ngày 06/02/2009 và Nguyễn Văn Long, sinh ngày 30/01/2012 cho chị Lê Thị Linh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hùng do chị Linh không yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Linh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Linh khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn Hùng có đăng ký tạm trú và hiện nay sinh sống tại khối 6, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Ngày 09/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án ly hôn giữa nguyên đơn chị Lê Thị Linh, bị đơn anh Nguyễn Văn Hùng. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành

tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Hùng theo đúng quy định tại các Điều 196, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Hùng đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Hùng là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Linh kết hôn với anh Nguyễn Văn Hùng trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 03 tháng 4 năm 2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Linh và anh Hùng là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa chị Linh và anh Hùng thấy rằng: Sau khi kết hôn chị Linh và anh Hùng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Mâu thuẫn kéo dài, mặc dù đã từng được gia đình hai bên và khối xóm hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được. Hiện chị Linh và anh Hùng đã sống ly thân.

Như vậy có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị Linh và anh Hùng trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Linh được ly hôn anh Hùng.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị Linh và anh Hùng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn Lê Trung, sinh ngày 06/02/2009 và Nguyễn Văn Long, sinh ngày 30/01/2012. Ly hôn chị Linh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi trưởng thành.

Xét anh Hùng vắng mặt nên không thể lấy ý kiến, xem xét nguyện vọng của anh Hùng. Nguyện vọng nuôi con chung của chị Linh là chính đáng, mặt khác cháu Trung có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu Long đang còn nhỏ cần bàn tay chăm sóc của người mẹ hơn. Vì vậy cần giao cả hai con chung cho chị Linh được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị Linh không yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng nên tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Hùng.

[2.3] Về tài sản: Chị Lê Thị Linh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Lê Thị Linh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về Hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Linh và anh Nguyễn Văn Hùng

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Văn Lê Trung, sinh ngày 06/02/2009 và Nguyễn Văn Long, sinh ngày 30/01/2012 cho chị Linh được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hùng do chị Linh không yêu cầu.

Anh Hùng có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Linh phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000205 ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND p. Hưng Dũng, TP Vinh
- (Đăng ký kết hôn số 47 ngày 03/4/2007);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoa

